

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TIỀN GIANG**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC
SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2009 đến 30/06/2009

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

MỤC LỤC

| | Trang |
|--------------------------------------|---------|
| 1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 1 - 2 |
| 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT | 3 - 4 |
| 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 5 - 8 |
| 4. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 9 |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 10 |
| 6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 11 - 33 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tiền Giang hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành phần Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

| <u>Họ tên</u> | <u>Chức danh</u> |
|-------------------------|------------------|
| Ông Đoàn Thành Đạt | Chủ tịch |
| Ông Lê Văn Điệp | Phó Chủ tịch |
| Ông Lê Vinh Hiển | Thành viên |
| Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo | Thành viên |
| Ông Trần Hoàng Huân | Thành viên |

Ban Giám đốc

| <u>Họ tên</u> | <u>Chức danh</u> |
|---------------------|-------------------|
| Ông Đoàn Thành Đạt | Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Văn Điệp | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Quang Tiên | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Hoàng Huân | Phó Tổng Giám đốc |

Trụ sở hoạt động

Trụ sở đặt tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Các hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Thi công các công trình thủy lợi: trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thủy lợi;
- Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh cát san lấp;
- Khai thác vận tải;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi;
- Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn đấu thầu, giám sát.

3. Đánh giá tình hình tài chính

Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tiền Giang từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 33.

Kết quả kinh doanh

Doanh thu thuần 06 tháng đầu năm 2009: 69.432.596.916 đồng.
Lợi nhuận kế toán trước thuế 06 tháng đầu năm 2009: 5.516.815.000 đồng.

Các thông tin khác

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tiền Giang.

4. Đơn vị soát xét

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định soát xét báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tiền Giang.

5. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm của giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các qui định hiện hành có liên quan.

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tiền Giang và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Thành phố Mỹ Tho, ngày 09 tháng 11 năm 2009

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



ĐOÀN THÀNH ĐẠT



Số: 71A/BCSX-2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tiền Giang, (dưới đây gọi tắt là "Công ty") cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 được lập ngày 09 tháng 11 năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét mà chúng tôi đã thực hiện trên cơ sở chứng từ, sổ sách kế toán do đơn vị cung cấp.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý người đọc các vấn đề sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tiền Giang đã ký hợp đồng mua Công ty Xây dựng Thủy lợi An Giang và thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang (AG.Ticco). Theo Công văn số 3328/UBND-TH ngày 14/09/2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang đã chấp thuận việc bán Công ty Xây dựng Thủy lợi An Giang với giá bán là 2.095.056.290 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang, Ticco là công ty mẹ của AG.Ticco. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, quá trình mua bán chưa kết

thúc nên phần vốn góp của Ticco chưa được xác định, do đó, khoản đầu tư vào Công ty AG.Ticco chưa được ghi nhận vào khoản đầu tư vào Công ty con mà đang theo dõi trên chỉ tiêu "Các khoản phải thu khác" (Mã số 135) trên Bảng cân đối kế toán.

2. Như đã nêu tại mục IV.14 trang 16 trên Thuyết minh báo cáo tài chính, Giá vốn 1m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính bình quân của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư Long Thạnh Hưng, trong đó:

- Tổng giá trị đầu tư bình quân của công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng được ước tính dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính của dự án đến thời điểm 30/06/2009 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí đã thực chi đến 30/06/2009 là 56.081.898.171 đồng và chi phí ước tính là 51.672.200.743 đồng;
- Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m²;
- Giá vốn 1m² đất chuyển nhượng = $\frac{107.754.098.914 \text{ đồng}}{124.492 \text{ m}^2} = 866.000 \text{ đồng/m}^2$
- Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong 06 tháng đầu năm 2009 là 10.413,89 m².

Tp Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2009

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

KT.Giám đốc

Phó Giám đốc



ĐINH TẤN TƯỜNG

Chứng chỉ KTV số: 0175/KTV

Kiểm toán viên

PHẠM ĐÔNG SƠN

Chứng chỉ KTV số: 1052/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 - DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

Đơn vị tính : Việt Nam đồng

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2009 | 01/01/2009 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 247.052.785.373 | 238.469.423.288 |
| <i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | 110 | (V.1) | 26.343.400.364 | 24.305.896.602 |
| 1. Tiền | 111 | | 26.343.400.364 | 22.023.854.202 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 2.282.042.400 |
| <i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i> | 120 | | - | - |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) | 129 | | - | - |
| <i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i> | 130 | (V.2) | 161.003.215.259 | 155.284.413.663 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 72.054.405.411 | 87.988.278.867 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 68.290.156.389 | 45.314.956.060 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | 6.100.792.155 | 1.377.725.127 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | 770.868.193 | 770.868.193 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | | 14.226.230.201 | 20.271.822.506 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 139 | | (439.237.090) | (439.237.090) |
| <i>IV. Hàng tồn kho</i> | 140 | (V.3) | 55.536.966.380 | 56.622.185.842 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 55.536.966.380 | 56.622.185.842 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| <i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i> | 150 | (V.4) | 4.169.203.370 | 2.256.927.181 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 436.445.815 | 51.385.964 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 943.667.748 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 357.377.906 | 331.621.946 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 2.431.711.901 | 1.873.919.271 |

| TÀI SẢN | Mã số | | 30/06/2009 | 01/01/2009 |
|--|------------|-------|-----------------------|-----------------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 69.744.862.376 | 62.267.040.024 |
| <i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i> | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| <i>II. Tài sản cố định</i> | 220 | | 8.742.812.707 | 5.308.895.043 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 221 | (V.5) | 3.876.894.204 | 2.886.250.987 |
| - Nguyên giá | 222 | | 10.563.093.672 | 9.273.965.239 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (6.686.199.468) | (6.387.714.252) |
| 2. TSCĐ thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| 3. TSCĐ vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | (V.6) | 93.523.963 | 93.523.963 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (93.523.963) | (93.523.963) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | (V.7) | 4.865.918.503 | 2.422.644.056 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

Đơn vị tính : Việt Nam đồng

| | | | | |
|---|------------|--------|------------------------|------------------------|
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | (V.8) | 802.108.000 | 802.108.000 |
| 1. Nguyên giá | 241 | | 802.108.000 | 802.108.000 |
| 2. Hao mòn lũy kế (*) | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | (V.9) | 53.000.834.347 | 50.155.760.260 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 52.447.394.347 | 49.002.320.260 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 553.440.000 | 1.153.440.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | (V.10) | 7.199.107.322 | 6.000.276.721 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 5.399.842.041 | 4.934.798.641 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 1.799.265.281 | 1.065.478.080 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 316.797.647.749 | 300.736.463.312 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

Đơn vị tính : Việt Nam đồng

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2009 | 01/01/2009 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 235.637.888.747 | 214.366.804.442 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | (V.11) | 148.046.428.992 | 124.977.423.387 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | | 5.867.699.764 | 5.164.249.617 |
| 2. Phải trả cho người bán | 312 | | 28.389.056.190 | 41.046.288.695 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 86.133.353.827 | 50.068.478.532 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | | 2.748.517.434 | 7.827.632.630 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 106.477.980 | - |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 6.542.191.344 | 2.215.073.841 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | | 18.259.132.453 | 18.655.700.072 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 87.591.459.755 | 89.389.381.055 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | (V.12) | 87.165.043.985 | 88.960.103.285 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 426.415.770 | 429.277.770 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 81.159.759.002 | 86.369.658.870 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | (V.13) | 80.078.893.669 | 85.593.785.402 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 70.000.000.000 | 70.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 300.000.000 | 300.000.000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ (*) | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 1.403.073.400 | 415.335.669 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 1.902.289.779 | 1.408.420.914 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 6.473.530.490 | 13.470.028.819 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 1.080.865.333 | 775.873.468 |
| 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 431 | | 1.080.865.333 | 775.873.468 |
| 2. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 316.797.647.749 | 300.736.463.312 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

Đơn vị tính : Việt Nam đồng

| CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | <i>Thuyết minh</i> 30/06/2009 | 01/01/2009 |
|--|---|-------------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại (USD) | - | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | - | - |

Kế toán trưởng

ĐÀO THỊ KIỀU TRINH

Mỹ Tho, ngày 09 tháng 11 năm 2009

Tổng Giám đốc



ĐOÀN THÀNH ĐẠT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

Đơn vị tính : Việt Nam đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 |
|--|-------|-------------|---|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | (VI.1) | 69.432.596.916 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 69.432.596.916 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | (VI.2) | 60.016.229.393 |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 9.416.367.523 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | (VI.1) | 646.230.290 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | (VI.3) | 797.320.532 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 309.214.532 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | (VI.4) | 1.080.529.291 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | (VI.5) | 2.379.696.190 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 5.805.051.800 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | (VI.1) | 89.087.489 |
| 12. Chi phí khác | 32 | (VI.6) | 377.324.289 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (288.236.800) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 5.516.815.000 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | 1.821.625.069 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | (733.787.201) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 4.428.977.132 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | | 633 |

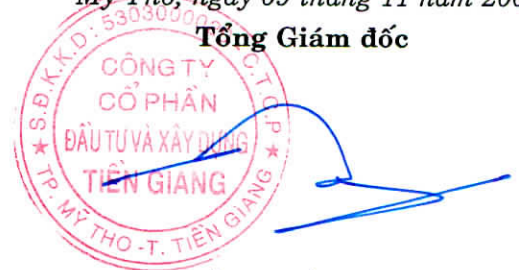
Kế toán trưởng



ĐÀO THỊ KIỀU TRINH

Mỹ Tho, ngày 09 tháng 11 năm 2009

Tổng Giám đốc



ĐOÀN THÀNH ĐẠT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

Đơn vị tính : Việt Nam đồng

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 |
|---|----------------------|---|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 5.516.815.000 |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 (V.5) | 298.485.216 |
| Các khoản dự phòng | 03 | - |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | - |
| Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư | 05 (VII.1) | (637.104.290) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 309.214.532 |
| Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 5.487.410.458 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (8.338.790.788) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 2.993.875.614 |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | 16.092.980.897 |
| Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | (850.103.251) |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 (VII.2) | (2.233.312.062) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (1.563.829.547) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 (VII.3) | 3.357.951.003 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 (VII.4) | (3.142.013.771) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 11.804.168.553 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 (VII.5) | (5.820.546.961) |
| Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | - |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 (VII.6) | 925.491.323 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (4.895.055.638) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | - |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - |
| Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 (VII.7) | 19.267.699.764 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 (VII.8) | (17.488.113.917) |
| Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 (VII.9) | (2.871.195.000) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (3.780.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (4.871.609.153) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | 2.037.503.762 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 24.305.896.602 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 26.343.400.364 |

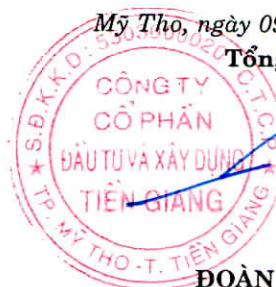
Kế toán trưởng



ĐÀO THỊ KIỀU TRINH

Mỹ Tho, ngày 09 tháng 11 năm 2009

Tổng Giám đốc




ĐOÀN THÀNH ĐẠT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tiền Giang, tên viết tắt là TICCO (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 11/05/2007.

Vốn của điều lệ: 70.000.000.000 đồng.

Trụ sở đặt tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Thi công các công trình thủy lợi: trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thủy lợi;
- Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh cát san lấp;
- Khai thác vận tải;
- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi;
- Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn đấu thầu, giám sát.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo phương pháp giá gốc.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

2.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm 30/06/2009, khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày 30/06/2009 là 16.953 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm 30/06/2009 được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

5.1. Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.2. Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao tài sản của Công ty được theo dõi theo thời gian sử dụng còn lại và được ước tính như sau :

| | |
|-------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 năm |
| - Máy móc thiết bị | 04 – 12 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 – 10 năm |
| - Thiết bị và dụng cụ quản lý | 04 – 06 năm |

5.3. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình (quyền sử dụng đất) được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính, được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất tại Quang Trung – Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ. Diện tích 103,5 m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

Công ty chưa tính khấu hao quyền sử dụng đất này từ năm 2006.

7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

9. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

9.1. Nguyên tắc ghi nhận khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

- Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

9.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là tương đương tiền.
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Ghi nhận chi phí trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

12.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

12.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng

13.1. Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

13.2. Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng

Giá vốn 1m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính bình quân của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư Long Thạnh Hưng, trong đó:

- Tổng giá trị đầu tư bình quân của công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng được ước tính dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính của dự án đến thời điểm 30/06/2009 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí đã thực chi đến 30/06/2009 là 56.081.898.171 đồng và chi phí ước tính là 51.672.200.743 đồng;
- Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m²;
- Giá vốn 1m² đất chuyển nhượng = $\frac{107.754.098.914 \text{ đồng}}{124.492 \text{ m}^2} = 866.000 \text{ đồng/m}^2$
- Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong 06 tháng đầu năm 2009 là 10.413,89 m².

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%.
- Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009.
- Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.
- Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.
- Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm. Tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>30/06/2009</u> | <u>01/01/2009</u> |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| - Tiền mặt | 33.264.244 | 97.588.826 |
| - Tiền gửi ngân hàng | 25.225.331.717 | 21.926.265.376 |
| - Tiền đang chuyển | 1.084.804.403 | - |
| - Các khoản tương đương tiền | - | 2.282.042.400 |
| Cộng | <u>26.343.400.364</u> | <u>24.305.896.602</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

| | <u>30/06/2009</u> | <u>01/01/2009</u> |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| - Phải thu khách hàng | 72.054.405.411 (2.1) | 87.988.278.867 |
| - Trả trước cho người bán | 68.290.156.389 (2.2) | 45.314.956.060 |
| - Phải thu nội bộ ngắn hạn | 6.100.792.155 (2.3) | 1.377.725.127 |
| - Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD | 770.868.193 | 770.868.193 |
| - Các khoản phải thu khác | 14.226.230.201 (2.4) | 20.271.822.506 |
| - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (439.237.090) (2.5) | (439.237.090) |
| Cộng | <u>161.003.215.259</u> | <u>155.284.413.663</u> |

(2.1) Chủ yếu là khoản phải thu của các khách hàng sau:

| | |
|---|----------------|
| - Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco | 47.154.421.593 |
| - Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Giao thông Ticco | 1.042.366.677 |
| - Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco | 127.207.982 |

(2.2) Chủ yếu là khoản trả trước cho các nhà cung cấp sau:

| | |
|---|----------------|
| - Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco | 16.096.538.746 |
| - Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco | 2.072.000.000 |
| - Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Giao thông Ticco | 13.627.666.138 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang | 17.559.724.128 |

(2.3) Khoản phải thu nội bộ của các đơn vị sau:

| | |
|------------------------------------|---------------|
| - Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa | 4.553.221.094 |
| - Xí nghiệp Vật liệu Xây dựng | 192.537.101 |
| - Sàn Giao dịch Bất động sản Ticco | 1.355.033.960 |

(2.4) Chủ yếu là các khoản phải thu khác sau:

| | |
|--|---------------|
| - Công ty Xây dựng Thủy lợi An Giang - Nợ gốc và lãi | 2.431.593.660 |
| - Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông Ticco- Vật tư giữ hộ | 1.445.461.377 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang (Nợ và lãi vay) | 2.047.063.932 |
| - Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông Ticco – Lãi năm 2008 | 1.126.328.814 |
| - Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco – Lãi năm 2007 và 2008 | 6.226.585.345 |

(2.5) Dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty Xây dựng Thủy lợi Kiên Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Hàng tồn kho

| | <u>30/06/2009</u> | <u>01/01/2009</u> |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá gốc của hàng tồn kho | | |
| - Nguyên vật liệu | 345.665.502 | 345.665.502 |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 55.011.381.553 (*) | 56.096.601.015 |
| - Hàng hóa | 179.919.325 | 179.919.325 |
| | <u>55.536.966.380</u> | <u>56.622.185.842</u> |

(*) Chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Khu dân cư Long Thạnh Hưng với số tiền là 44.369.293.010 đồng.

4. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>30/06/2009</u> | <u>01/01/2009</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| - Chi phí trả trước ngắn hạn | 436.445.815 | 51.385.964 |
| - Thuế GTGT được khấu trừ | 943.667.748 | - |
| - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 357.377.906 (*) | 331.621.946 |
| - Tài sản ngắn hạn khác | 2.431.711.901 | 1.873.919.271 |
| + Tạm ứng | 1.036.164.779 | 182.745.682 |
| + Ký quỹ ngắn hạn | 1.395.547.122 | 1.691.173.589 |
| Cộng | <u>4.169.203.370</u> | <u>2.256.927.181</u> |

(*) Thuế giá trị gia tăng đầu ra đã tạm nộp.

5. Tài sản cố định hữu hình

| Chỉ tiêu | <u>01/01/2009</u> | <u>Tăng</u> | <u>Giảm</u> | <u>30/06/2009</u> |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Nhà cửa vật kiến trúc | 1.061.812.189 | - | - | 1.061.812.189 |
| Máy móc thiết bị | 630.682.477 | 29.727.106 | - | 660.409.583 |
| Phương tiện vận tải | 7.144.052.965 | 3.654.475.414 | 2.395.074.087 | 8.403.454.292 |
| Thiết bị dụng cụ, quản lý | 437.417.608 | - | - | 437.417.608 |
| Cộng | <u>9.273.965.239</u> | <u>3.684.202.520</u> | <u>2.395.074.087</u> | <u>10.563.093.672</u> |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Nhà cửa vật kiến trúc | 837.640.819 | 20.206.725 | - | 857.847.544 |
| Máy móc thiết bị | 460.558.241 | 17.389.962 | - | 477.948.203 |
| Phương tiện vận tải | 4.767.234.950 | 238.081.913 | - | 5.005.316.863 |
| Thiết bị dụng cụ, quản lý | 322.280.242 | 22.806.616 | - | 345.086.858 |
| Cộng | <u>6.387.714.252</u> | <u>298.485.216</u> | <u>-</u> | <u>6.686.199.468</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị còn lại

| | | |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 224.171.370 | 203.964.645 |
| Máy móc thiết bị | 170.124.236 | 182.461.380 |
| Phương tiện vận tải | 2.376.818.015 | 3.398.137.429 |
| Thiết bị dụng cụ, quản lý | 115.137.366 | 92.330.750 |
| Cộng | 2.886.250.987 | 3.876.894.204 |

6. Tài sản cố định vô hình

| Quyền sử dụng đất | Số đầu năm | Tăng | Giảm | Số cuối năm |
|------------------------|------------|------|------|-------------|
| Nguyên giá | 93.523.963 | - | - | 93.523.963 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 93.523.963 | | | 93.523.963 |
| Giá trị còn lại | - | | | - |

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 30/06/2009 | | 01/01/2009 |
|-----------------------------------|----------------------|-----|----------------------|
| - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 4.865.918.503 | (*) | 2.422.644.056 |
| Cộng | 4.865.918.503 | | 2.422.644.056 |

(*) Bao gồm:

| | |
|---|---------------|
| - Mua sắm tài sản cố định | 2.597.566.354 |
| - Chi phí xây dựng Nhà máy Bê tông – phần bổ sung | 2.268.352.149 |

8. Bất động sản đầu tư

| Quyền sử dụng đất | 01/01/2009 | Tăng | Giảm | 30/06/2009 |
|------------------------|-------------|------|------|-------------|
| Nguyên giá | 802.108.000 | - | - | 802.108.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | - | | | - |

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| | 30/06/2009 | | 01/01/2009 |
|---|-----------------------|-------|-----------------------|
| - Đầu tư vào công ty con | 52.447.394.347 | (9.1) | 49.002.320.260 |
| - Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 553.440.000 | (9.2) | 1.153.440.000 |
| Cộng | 53.000.834.347 | | 50.155.760.260 |

(9.1) Bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty con sau:

- Góp 100% vốn thành lập Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco, giá trị vốn thực góp đến thời điểm 30/06/2009 là 38.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%;
- Góp 100% vốn thành lập Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Giao thông Ticco, giá trị vốn thực góp đến thời điểm 30/06/2009 là 7.316.393.840 đồng, chiếm tỷ lệ 73,16%;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Góp 100% vốn thành lập Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco, giá trị vốn thực góp đến thời điểm 30/06/2009 là 6.081.000.507 đồng, chiếm tỷ lệ 60,81%.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Testco với tỷ lệ vốn góp là 80,77%. Giá trị vốn thực góp tại thời điểm 30/06/2009 là 1.050.000.000 đồng

(9.2) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Tiền Giang với 60.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 20%. Vốn thực góp đến ngày 30/06/2009 là 553.440.000 đồng;

10. Tài sản dài hạn khác

| | <u>30/06/2009</u> | <u>01/01/2009</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| - Chi phí trả trước dài hạn | 5.399.842.041 (10.1) | 4.934.798.641 |
| - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 1.799.265.281 (10.2) | 1.065.478.080 |
| Cộng | <u>7.199.107.322</u> | <u>6.000.276.721</u> |

(10.1) Bao gồm các khoản chi phí trả trước sau:

| | <u>30/06/2009</u> | <u>01/01/2009</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| - Cũ Lasen | 3.032.808.787 | 3.032.808.787 |
| - Chi phí xây dựng chiến lược công ty | 513.640.624 | 439.567.906 |
| - Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng | 1.450.950.901 | 1.450.950.901 |
| - Sửa chữa xe Faw | 11.471.047 | 11.471.047 |
| - Sửa chữa văn phòng | 390.970.682 | - |
| Cộng | <u>5.399.842.041</u> | <u>4.934.798.641</u> |

(10.2) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh do chênh lệch tạm thời của Khu dân cư Long Thành Hưng.

11. Nợ ngắn hạn

| | <u>30/06/2009</u> | <u>01/01/2009</u> |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| - Vay và nợ ngắn hạn | 5.867.699.764 (11.1) | 5.164.249.617 |
| - Phải trả cho người bán | 28.389.056.190 (11.2) | 41.046.288.695 |
| - Người mua trả tiền trước | 86.133.353.827 (11.3) | 50.068.478.532 |
| - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 2.748.517.434 (11.4) | 7.827.632.630 |
| - Phải trả người lao động | 106.477.980 | - |
| - Chi phí phải trả | 6.542.191.344 (11.5) | 2.215.073.841 |
| - Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 18.259.132.453 (11.6) | 18.655.700.072 |
| Cộng | <u>148.046.428.992</u> | <u>124.977.423.387</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(11.1) Vay ngắn hạn tại Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 02/2008/HĐ ngày 25/08/2008. Số dư tại ngày 30/06/2009 theo các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể như sau:

| Số hợp đồng | Ngày hợp đồng | Thời hạn (tháng) | Lãi suất (%/tháng) | Ngày thanh toán | Số dư ngày 30/06/2009 |
|-------------|---------------|------------------|--------------------|-----------------|-----------------------|
| 08/2008/HĐ | 20/02/2009 | 06 | 0,79% | 20/08/2009 | 1.100.000.000 |
| 02/2009/HĐ | 11/03/2009 | 06 | 0,79% | 11/09/2009 | 159.288.150 |
| 03/2009/HĐ | 22/04/2009 | 06 | 0,79% | 22/10/2009 | 966.240.000 |
| 04/2009/HĐ | 23/03/2009 | 06 | 0,79% | 23/09/2009 | 100.000.000 |
| 05/2009/HĐ | 22/05/2009 | 06 | 0,79% | 22/11/2009 | 499.972.718 |
| 06/2009/HĐ | 29/05/2009 | 06 | 0,79% | 29/11/2009 | 2.481.602.760 |
| 07/2009/HĐ | 10/06/2009 | 06 | 0,79% | 10/12/2009 | 252.486.000 |
| 08/2009/HĐ | 15/06/2009 | 06 | 0,79% | 15/12/2009 | 169.396.136 |
| 09/2009/HĐ | 24/06/2009 | 06 | 0,79% | 24/12/2009 | 138.714.000 |
| | | | | | 5.867.699.764 |

(11.2) Chủ yếu là khoản phải trả cho các nhà cung cấp sau:

| | |
|---|---------------|
| - Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco | 5.518.583.460 |
| - Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco | 2.161.158.701 |
| - Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Giao thông Ticco | 9.669.029.464 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang | 6.108.230.720 |

(11.3) Chủ yếu là khoản nhận ứng trước của các khách hàng sau:

| | |
|---------------------------------|----------------|
| - Cống Vàm Răng – Hòn Đất | 8.400.000.000 |
| - Đê biển Hiệp Thạnh | 7.650.000.000 |
| - Đê Long Hữu | 5.293.000.000 |
| - Gói 1C Phước Hòa | 12.866.753.846 |
| - Kênh Xuân Hòa – Cầu Ngang | 1.899.999.000 |
| - Khu dân cư Long Thạnh Hưng | 4.597.302.500 |
| - Cụm Khu công nghiệp Trung An | 4.869.420.853 |
| - Kè chống sạt lở bờ Long Xuyên | 5.012.458.000 |
| - Hồ chôn rác – Ao sinh học | 1.555.801.000 |
| - Hồ chứa nước Sông Ray | 3.033.588.000 |
| - See Chin Thye | 2.056.307.000 |
| - Kênh Cái Trâm – Sóc Trăng | 1.982.159.898 |
| - Đường tỉnh 844 – Đồng Tháp | 1.115.806.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

| | |
|---------------------------------------|----------------|
| - Cầu trên đường 843 | 1.380.000.000 |
| - Kênh Phước Xuyên 28 | 8.564.000.000 |
| - Tiền đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng | 10.284.442.730 |
| - Cống Vàm Tắc | 1.300.000.000 |
| - Cầu Hòa Định | 2.634.000.000 |

(11.4) Bao gồm các khoản thuế phải nộp sau:

| | |
|------------------------------|---------------|
| - Thuế giá trị gia tăng | 145.456 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.697.708.343 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 50.597.485 |
| - Tiền thuê đất | 66.150 |

(11.5) Khoản chi phí trích trước vào giá vốn của công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng.

(11.6) Chủ yếu là các khoản phải trả khác sau:

| | |
|--------------------------------------|----------------|
| - Phải trả về cổ phần hóa | 14.994.927.855 |
| - Công ty Xây dựng Thủy lợi An Giang | 2.344.922.249 |

12. Vay và nợ dài hạn

| | <u>30/06/2009</u> | <u>01/01/2009</u> |
|---------------|------------------------------|------------------------------|
| - Vay dài hạn | 70.914.935.485 (12.1) | 69.838.799.785 |
| - Nợ dài hạn | 16.250.108.500 (12.2) | 19.121.303.500 |
| Cộng | <u>87.165.043.985</u> | <u>88.960.103.285</u> |

(12.1) Bao gồm các khoản vay dài hạn sau:

| Bên cho vay | <u>30/06/2009</u> | <u>01/01/2009</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| - Ngân hàng Đầu tư Phát triển Tiền Giang | 38.778.514.586 | 41.618.514.586 |
| - Ngân hàng Phát triển Nhà ĐBSCL | 16.327.255.400 | 21.609.779.700 |
| - CN Ngân hàng Phát triển Tiền Giang | 15.334.660.000 | 14.200.000.000 |
| - Sở Tài chính Vật giá Tiền Giang | 474.505.499 | 474.505.499 |
| Cộng | <u>70.914.935.485</u> | <u>69.838.799.785</u> |

(12.2) Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính không hủy ngang số 050/2007/HĐTTC ngày 08/03/2007 và Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 050/2007/Pl-HĐCTTC ngày 27/07/2008. Tài sản cố định thuê tài chính của khoản thuê này đã bàn giao cho Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Vốn chủ sở hữu

13.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |
|------------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 63.000.000.000 | 300.000.000 | 7.360.966.144 | 1.408.420.914 | 1.893.534.863 |
| - Tăng trong năm trước | 7.000.000.000 | - | 54.369.525 | - | 11.824.244.313 |
| - Giảm trong năm trước | - | - | 7.000.000.000 | - | 247.750.357 |
| Số dư cuối năm trước | 70.000.000.000 | 300.000.000 | 415.335.669 | 1.408.420.914 | 13.470.028.819 |
| Số dư đầu năm nay | 70.000.000.000 | 300.000.000 | 415.335.669 | 1.408.420.914 | 13.470.028.819 |
| - Tăng trong 06 tháng đầu năm 2009 | - | - | 987.737.731 | 493.868.865 | 4.428.977.132 |
| - Giảm trong 06 tháng đầu năm 2009 | - | - | - | - | 11.425.475.461 |
| Số dư ngày 30/06/2009 | 70.000.000.000 | 300.000.000 | 1.403.073.400 | 1.902.289.779 | 6.473.530.490 |

13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | |
|---|-----------------------|
| - Cổ đông là nhân viên Văn phòng Công ty | 21.776.710.000 |
| - Cổ đông là nhân viên Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco | 7.525.150.000 |
| - Cổ đông là nhân viên Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông Ticco | 4.178.400.000 |
| - Cổ đông là nhân viên Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco | 6.454.140.000 |
| - Cổ đông là nhân viên Xi nghiệp Cơ khí | 2.068.940.000 |
| - Cổ đông ngoài | 27.996.660.000 |
| Cộng | 70.000.000.000 |

13.3. Cổ phiếu

| | 30/06/2009 | 01/01/2009 |
|--|------------|------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 7.000.000 | 7.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 7.000.000 | 7.000.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 7.000.000 | 7.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 7.000.000 | 7.000.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 7.000.000 | 7.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13.4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số dư đầu năm của chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã được điều chỉnh hồi tố do báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty chưa ghi nhận khoản lãi phải thu của hai công ty con lần lượt như sau:

- Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco: lợi nhuận năm 2007 ghi nhận trực tiếp vào tài khoản 4211 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước với số tiền là 548.249.560 đồng và lợi nhuận năm 2008 ghi nhận vào tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính của năm 2008 là 5.678.335.785 đồng.
- Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Giao thông Ticco: lợi nhuận năm 2008 ghi nhận vào tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính của năm 2008 là 1.126.328.814 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu

| Chỉ tiêu | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 |
|---|---|
| 1.1. Doanh thu bán hàng | 69.432.596.916 |
| - Tổng doanh thu | 69.432.596.916 |
| + Doanh thu hợp đồng xây dựng | 47.139.715.425 |
| + Doanh thu kinh doanh bất động sản | 16.370.446.450 |
| + Doanh thu bán vật liệu | 5.074.052.282 |
| + Doanh thu Xi nghiệp Cơ khí Sửa chữa | 846.928.215 |
| + Doanh thu quảng cáo | 1.454.544 |
| - Các khoản giảm trừ doanh thu | - |
| - Doanh thu thuần | 69.432.596.916 |
| 1.2. Doanh thu hoạt động tài chính | 646.230.290 |
| - Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu | 637.104.290 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 9.126.000 |
| 1.3. Thu nhập khác | 89.087.489 |
| - Hoàn nhập chi phí bảo hành | 27.597.550 |
| - Thu nhập khác | 61.489.939 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Giá vốn hàng bán

| | <i>Từ ngày 01/01/2009</i> |
|-------------------------------------|----------------------------|
| | <i>đến ngày 30/06/2009</i> |
| - Giá vốn công trình xây dựng | 45.487.470.263 |
| - Giá vốn kinh doanh bất động sản | 9.018.428.740 |
| - Giá vốn vật liệu | 4.824.683.320 |
| - Giá vốn Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa | 685.647.070 |
| Cộng | 60.016.229.393 |

3. Chi phí tài chính

| | <i>Từ ngày 01/01/2009</i> |
|-------------------------------------|----------------------------|
| | <i>đến ngày 30/06/2009</i> |
| - Chi phí lãi vay | 309.214.532 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 488.106.000 |
| Cộng | 797.320.532 |

4. Chi phí bán hàng

| | <i>Từ ngày 01/01/2009</i> |
|-------------------------------------|----------------------------|
| | <i>đến ngày 30/06/2009</i> |
| - Chi phí nhân viên bán hàng | 1.040.793.360 |
| - Chi phí công cụ, dụng cụ bán hàng | 17.793.983 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.028.198 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 16.913.750 |
| Cộng | 1.080.529.291 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <i>Từ ngày 01/01/2009</i> |
|------------------------------------|----------------------------|
| | <i>đến ngày 30/06/2009</i> |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 855.979.740 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | 197.232.660 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 3.645.272 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 282.673.050 |
| - Thuế, phí, lệ phí | 120.262.734 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 378.774.482 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 541.128.252 |
| Cộng | 2.379.696.190 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Chi phí khác

| | <i>Từ ngày 01/01/2009</i> |
|-------------------------------------|----------------------------|
| | <i>đến ngày 30/06/2009</i> |
| - Xử lý công nợ | 27.039.001 |
| - Hoàn trả tiền thi công công trình | 107.642.809 |
| - Chi phí bảo hành công trình | 214.124.356 |
| - Chi phí khác | 28.518.123 |
| Cộng | 377.324.289 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư

| | <i>Từ ngày 01/01/2009</i> |
|--------------------------------------|----------------------------|
| | <i>đến ngày 30/06/2009</i> |
| - Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi ký quỹ | 637.104.290 |
| Cộng | 637.104.290 |

2. Tiền lãi vay đã trả

| | <i>Từ ngày 01/01/2009</i> |
|--|----------------------------|
| | <i>đến ngày 30/06/2009</i> |
| - Lãi vay tính vào chi phí tài chính | (309.214.532) |
| - Lãi vay vốn hóa của công trình KDC Long Thành Hưng | (1.908.656.152) |
| - Lãi vay của Xí nghiệp Vật liệu Xây dựng Ticco | (15.441.378) |
| Cộng | (2.233.312.062) |

3. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh

| | <i>Từ ngày 01/01/2009</i> |
|--|----------------------------|
| | <i>đến ngày 30/06/2009</i> |
| - Thu tiền lãi thuê tài chính chi hộ cho Công ty Bê tông | 989.624.003 |
| - Thu tiền lãi vay chi hộ cho Công ty Bê tông | 2.298.327.000 |
| - Thu tiền cổ phần vay quỹ phúc lợi | 70.000.000 |
| Cộng | 3.357.951.003 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh

| | <i>Từ ngày 01/01/2009</i> |
|--|----------------------------|
| | <i>đến ngày 30/06/2009</i> |
| - Chi hộ tiền lãi thuê tài chính cho Công ty Bê tông | (989.624.003) |
| - Chi hộ tiền lãi vay cho Công ty Bê tông | (1.640.112.768) |
| - Chi quỹ phúc lợi | (258.877.000) |
| - Chi thù lao Hội đồng Quản trị | (253.400.000) |
| Cộng | (3.142.013.771) |

5. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác

| | <i>Từ ngày 01/01/2009</i> |
|-------------------------------|----------------------------|
| | <i>đến ngày 30/06/2009</i> |
| - Chi mua sắm tài sản cố định | (3.377.272.514) |
| - Chi đầu tư xây dựng cơ bản | (2.443.274.447) |
| Cộng | (5.820.546.961) |

6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia

| | <i>Từ ngày 01/01/2009</i> |
|---|----------------------------|
| | <i>đến ngày 30/06/2009</i> |
| - Thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi ký quỹ | 637.104.290 |
| - Thu cổ tức năm 2008 của Công ty AG. Ticco | 288.387.033 |
| Cộng | 925.491.323 |

7. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được

| | <i>Từ ngày 01/01/2009</i> |
|---|----------------------------|
| | <i>đến ngày 30/06/2009</i> |
| - Tiền vay nhận được cho Công ty | 14.367.699.764 |
| - Tiền vay hộ nhận được cho Công ty Bê tông | 4.900.000.000 |
| Cộng | 19.267.699.764 |

8. Tiền chi trả nợ gốc vay

| | <i>Từ ngày 01/01/2009</i> |
|--|----------------------------|
| | <i>đến ngày 30/06/2009</i> |
| - Tiền chi trả nợ gốc vay của Công ty | (10.766.113.917) |
| - Tiền chi trả hộ nợ gốc vay của Công ty Bê tông | (6.722.000.000) |
| Cộng | (17.488.113.917) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Tiền chi trả nợ thuê tài chính

| | <i>Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009</i> |
|---|---|
| - Tiền chi hộ nợ gốc thuê tài chính cho Công ty Bê tông Cộng | (2.871.195.000) (2.871.195.000) |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các bên liên quan

1.1. Các giao dịch với các bên liên quan

| Bên liên quan | Quan hệ | Nội dung giao dịch | Số tiền |
|---|-----------------|--|----------------|
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông Ticco | Công ty con | - Bán vật tư, ứng trước khối lượng thi công | 27.293.214.369 |
| | | - Khối lượng công trình nghiệm thu | 12.522.094.647 |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco | Công ty con | - Bán vật tư, ứng trước khối lượng thi công | 19.358.121.982 |
| | | - Khối lượng công trình nghiệm thu | 11.530.757.353 |
| Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco | Công ty con | - Nợ gốc và lãi thuê tài chính | 1.914.130.000 |
| | | - Nợ gốc và lãi vay đầu tư Nhà máy Bê tông | 8.838.303.637 |
| | | - Tài sản cố định chuyển về Công ty | 306.930.006 |
| Công ty Cổ phần Testco | Công ty con | - Thanh toán chi phí Khu dân cư Vàm Láng, Khu dân cư huyện Tân Phước | 463.363.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang | Công ty con (*) | - Phải thu tiền bán vật tư, lãi vay | 4.820.155.434 |
| | | - Ứng trước khối lượng thi công | 15.510.789.417 |
| | | - Khối lượng công trình nghiệm thu | 13.186.789.718 |
| | | - Thu tiền bán vật tư, cổ tức phải trả | 4.256.742.033 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1.2. Số dư với các bên liên quan

| Bên liên quan | Quan hệ | Nội dung giao dịch | Số dư ngày 30/06/2009 |
|---|-----------------|--|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông Ticco | Công ty con | - Phải thu tiền ứng trước khối lượng thi công công trình | 13.627.666.138 |
| | | - Phải thu tiền bán vật tư | 1.042.366.677 |
| | | - Phải trả tiền vật tư nhận trước | 137.152.000 |
| | | - Phải thu vật tư giữ hộ | 1.445.461.377 |
| | | - Phải thu lợi nhuận năm 2008 | 1.126.328.814 |
| | | - Phải trả tiền khối lượng công trình nghiệm thu | 9.669.029.464 |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco | Công ty con | - Phải thu tiền ứng trước khối lượng thi công | 16.096.538.746 |
| | | - Phải thu tiền bán vật tư | 127.207.982 |
| | | - Phải trả khối lượng công trình nghiệm thu | 5.518.583.460 |
| Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco | Công ty con | - Phải thu tiền thuê tài chính | 16.250.108.500 |
| | | - Phải thu tiền vay đầu tư thiết bị nhà máy bê tông | 25.880.026.361 |
| | | - Phải thu tiền nhập xe bơm cần bê tông | 5.024.286.732 |
| | | - Phải thu tiền ứng trước khối lượng thi công | 2.072.000.000 |
| | | - Phải thu lợi nhuận năm 2007 và năm 2008 | 6.226.585.345 |
| | | - Phải trả tài sản cố định chuyển về công ty | 2.161.158.701 |
| Công ty Cổ phần Testco | Công ty con | - Phải thu khách hàng | 186.077.275 |
| | | - Phải thu lãi được chia | 46.156.195 |
| | | - Phải thu vốn cho mượn | 52.709.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang | Công ty con (*) | - Phải thu tiền nợ gốc và lãi vay | 2.047.063.932 |
| | | - Ứng trước khối lượng thi công | 1.590.882.038 |
| | | - Ứng trước tiền mua xăng thối | 15.968.842.090 |
| | | - Phải trả khối lượng công trình nghiệm thu | 6.108.230.720 |
| | | - Phải trả tiền cổ tức năm 2008 | 288.387.033 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tiền Giang đã ký hợp đồng mua Công ty Xây dựng Thủy lợi An Giang và thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang (AG.Ticco). Theo Công văn số 3328/UBND-TH ngày 14/09/2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang đã chấp thuận việc bán Công ty Xây dựng Thủy lợi An Giang với giá bán là 2.095.056.290 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang, Ticco là công ty mẹ của AG.Ticco, tuy nhiên, quá trình mua bán chưa kết thúc nên phần vốn góp của Ticco chưa được xác định. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty AG.Ticco chưa được ghi nhận vào khoản đầu tư vào Công ty con mà đang theo dõi trên chỉ tiêu "Các khoản phải thu khác" (Mã số 135) trên Bảng cân đối kế toán.

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán. Số liệu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/06/2008 không tổng hợp được nên cột so sánh không trình bày trong báo cáo này.

3. Trình bày sai sót của năm trước

Biến động vốn chủ sở hữu:

| Chỉ tiêu | Số dư tại ngày 31/12/2008 | Số dư tại ngày 30/06/2009 |
|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 70.000.000.000 | 70.000.000.000 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 13.470.028.819 | 6.473.530.490 |
| Cộng | 83.470.028.819 | 76.473.530.490 |

Số liệu báo cáo trước điều chỉnh và số liệu báo cáo sau điều chỉnh:

Số liệu báo cáo trước điều chỉnh các sai sót năm trước:

| Bảng cân đối kế toán | 31/12/2008 | 30/06/2009 |
|---------------------------------------|----------------|----------------|
| Các khoản phải thu ngắn hạn | | |
| <i>Trả trước cho người bán</i> | 45.518.952.160 | 68.290.156.389 |
| Các khoản phải thu khác | 12.918.908.347 | 14.676.230.201 |
| Hàng tồn kho | | |
| <i>Hàng tồn kho</i> | 54.407.112.001 | 53.321.892.539 |
| Tài sản dài hạn khác | | |
| <i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i> | - | 733.787.201 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

| | | |
|--|----------------|----------------|
| Nợ ngắn hạn | | |
| <i>Phải trả cho người bán</i> | 41.250.284.795 | 28.389.056.190 |
| <i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i> | 6.762.154.550 | 1.683.039.354 |
| <i>Chi phí phải trả</i> | - | 4.327.117.503 |
| Vốn chủ sở hữu | | |
| <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i> | 70.000.000.000 | 70.000.000.000 |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i> | 6.117.114.660 | 6.473.530.490 |

Số liệu báo cáo sau điều chỉnh các sai sót của năm trước:

| Bảng cân đối kế toán | 31/12/2008 | 30/06/2009 |
|--|-------------------|-------------------|
| Các khoản phải thu ngắn hạn | | |
| <i>Trả trước cho người bán</i> | 45.314.956.060 | 68.290.156.389 |
| <i>Các khoản phải thu khác</i> | 20.271.822.506 | 14.226.230.201 |
| Hàng tồn kho | | |
| <i>Hàng tồn kho</i> | 56.622.185.842 | 55.536.966.380 |
| Tài sản dài hạn khác | | |
| <i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i> | 1.065.478.080 | 1.799.265.281 |
| Nợ ngắn hạn | | |
| <i>Phải trả cho người bán</i> | 41.046.288.695 | 28.389.056.190 |
| <i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i> | 7.827.632.630 | 2.748.517.434 |
| <i>Chi phí phải trả</i> | 2.215.073.841 | 6.542.191.344 |
| Vốn chủ sở hữu | | |
| <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i> | 70.000.000.000 | 70.000.000.000 |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i> | 13.470.028.819 | 6.473.530.490 |

Thuyết minh kèm theo

- Báo cáo tài chính của năm 2008 chưa ghi nhận phần lợi nhuận phải thu của hai công ty con:
- + Phải thu của Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco: lợi nhuận năm 2007 là 548.249.560 đồng và lợi nhuận năm 2008 là 5.678.335.785 đồng.
- + Phải thu của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Giao thông Ticco: lợi nhuận năm 2008 là 1.126.328.814 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008 trình bày số dư đã cân trừ giữa bên Nợ và bên Có của tài khoản 331 với số tiền là 203.996.100 đồng.
- Trình bày lại chi phí dự toán trích trước vào giá vốn công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng trên tài khoản 154 "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" vào tài khoản 335 "Chi phí phải trả" với số tiền là 2.215.073.841 đồng.
- Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ của khoản chi phí trích trước vào giá vốn công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng trong năm 2008 là 1.065.478.080 đồng.

Các sai sót này được điều chỉnh theo nguyên tắc hồi tố (Chuẩn mực số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót") và Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

| Khoản mục báo cáo | Ảnh hưởng của sai sót trọng yếu đến: |
|---|--------------------------------------|
| Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008 | |
| Trả trước cho người bán tăng | 203.996.100 |
| Các khoản phải thu khác tăng | 7.352.914.159 |
| Hàng tồn kho tăng | 2.215.073.841 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tăng | 1.065.478.080 |
| Phải trả cho người bán tăng | 203.996.100 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng | 1.065.478.080 |
| Chi phí phải trả tăng | 2.215.073.841 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng | 7.352.914.159 |

Mỹ Tho, ngày 09 tháng 11 năm 2009

Kế toán trưởng

ĐÀO THỊ KIỀU TRINH

Tổng Giám đốc



ĐOÀN THÀNH ĐẠT